

**SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG  
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Số: 454 /BV-YHCT

Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2023

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CHẾ BIẾN, BẢO CHẾ THUỐC CỔ TRUYỀN  
TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

Kính gửi: Sở Y tế Hải Phòng

**I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

- Tên cơ sở : Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng
- Địa chỉ : Thôn Cái Tắt, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Hải Phòng
- Điện thoại: 02253700412 Fax:
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh số: 17/2015/HP- GPHĐ
- Người đại diện pháp luật: Phó giám đốc bệnh viện: Dương Văn Hà
- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Phạm Thị Thanh Hiếu

Chứng chỉ hành nghề: số 26-2021/CCHN-D-SYT-HP

Phạm vi hoạt động: Chịu trách nhiệm chuyên môn về Dược.

Cấp ngày: 26/03/2021

Nơi cấp: Sở Y tế

**II. HOẠT ĐỘNG CHẾ BIẾN, BẢO CHẾ THUỐC CỔ TRUYỀN**

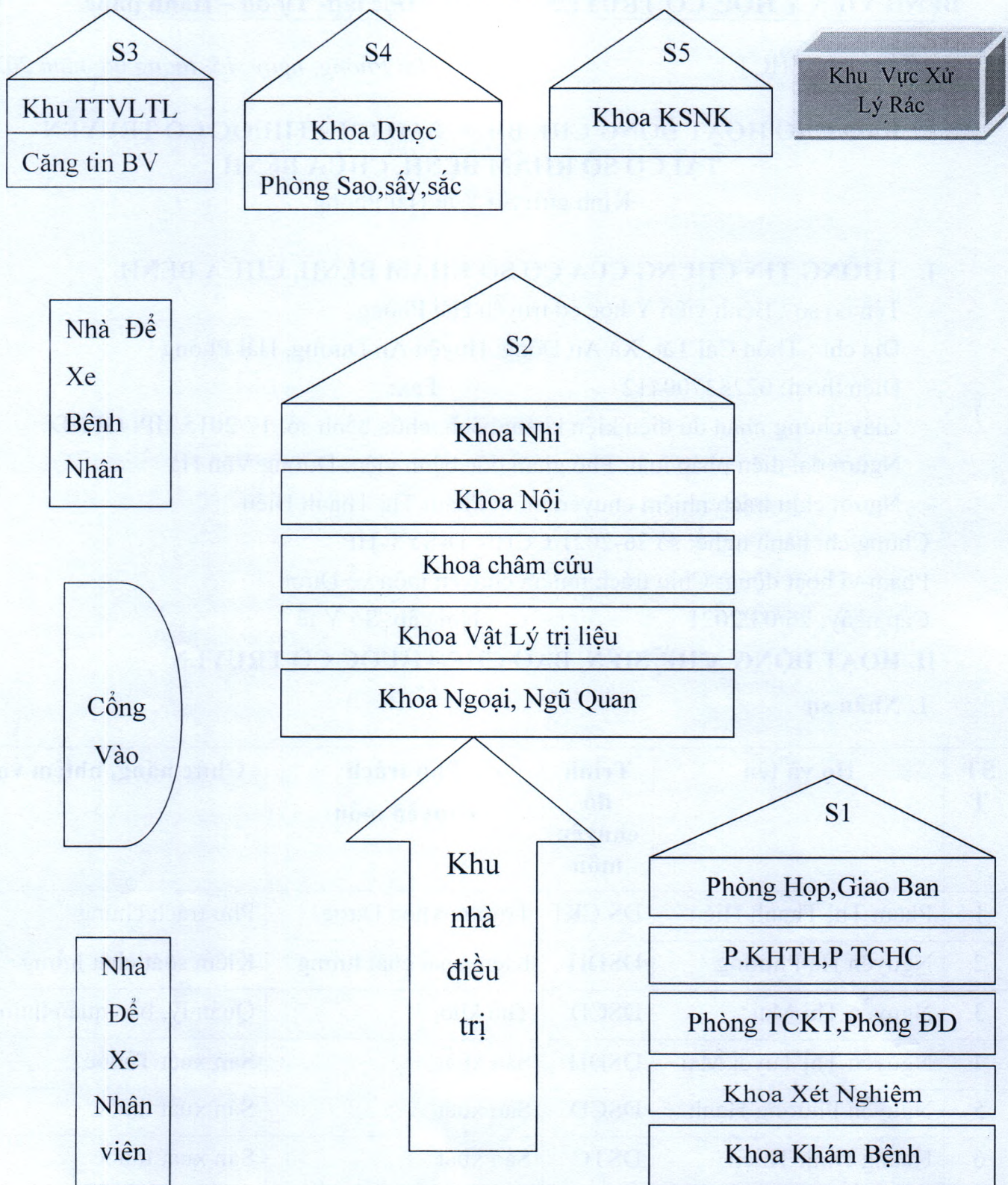
**1. Nhân sự**

| ST<br>T | Họ và tên            | Trình<br>độ<br>chuyên<br>môn | Phụ trách<br>chuyên môn | Chức năng, nhiệm vụ     |
|---------|----------------------|------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| 1       | Phạm Thị Thanh Hiếu  | DS CKI                       | Trưởng khoa Dược        | Phụ trách chung         |
| 2       | Nguyễn Hà Phương     | DSDH                         | Kiểm soát chất lượng    | Kiểm soát chất lượng    |
| 3       | Nguyễn Thị Mai       | DSCĐ                         | Thủ kho                 | Quản lý, bảo quản thuốc |
| 4       | Nguyễn Thị Tuyết Mai | DSDH                         | Sản xuất                | Sản xuất Thuốc          |
| 5       | Nguyễn Phương Hạnh   | DSCĐ                         | Sản xuất                | Sản xuất thuốc          |
| 6       | Hoàng Đình Thiện     | DSTC                         | Sản xuất                | Sản xuất thuốc          |
| 7       | Phạm Trung Kiên      | DC                           | Sản xuất                | Sản xuất thuốc          |
|         |                      |                              |                         |                         |

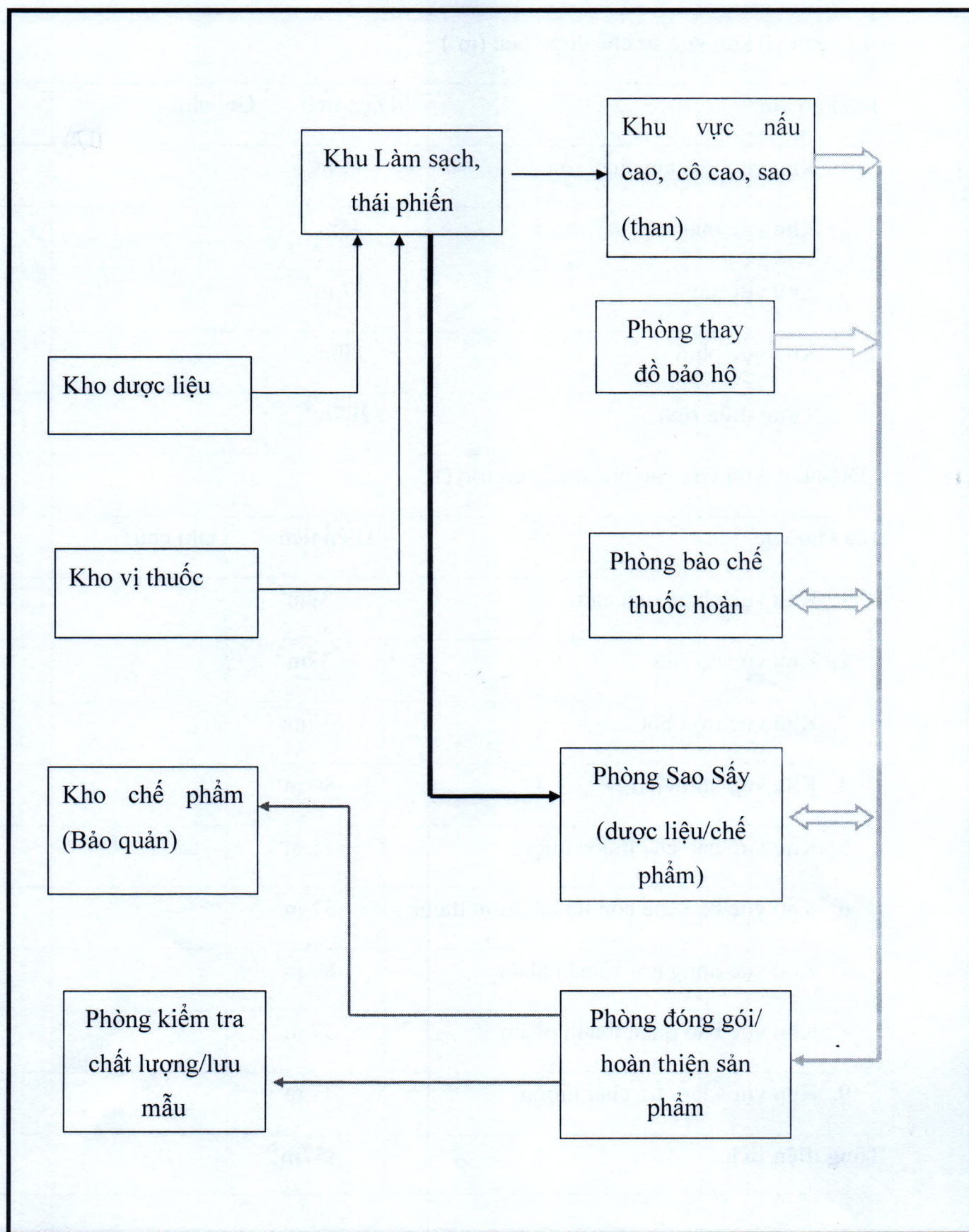
## 2. CƠ SỞ HẠ TẦNG

\* Cơ sở hạ tầng:

- Sơ đồ tổng thể mặt bằng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh



### 3. Sơ đồ bố trí khu vực chế biến, bào chế thuốc cổ truyền



#### 4. Tổng diện tích của cơ sở:

##### 4.1. Diện tích khu vực sơ chế dược liệu ( $m^2$ )

| Tên khu vực                   | Diện tích                   | Ghi chú |
|-------------------------------|-----------------------------|---------|
| 1. Khu vực loại tạp chất/ rửa | 45 $m^2$                    |         |
| 2. Khu vực thái, cắt          | 45 $m^2$                    |         |
| 3. Khu vực sấy                | 37 $m^2$                    |         |
| 4. Khu vực phơi               | 80 $m^2$                    |         |
| <b>Tổng diện tích</b>         | <b>207 <math>m^2</math></b> |         |

##### 5. Diện tích khu vực bào chế thuốc cổ truyền

| Tên khu vực                              | Diện tích                   | Ghi chú |
|------------------------------------------|-----------------------------|---------|
| 1. Khu vực chiết xuất cao                | 37 $m^2$                    |         |
| 2. Khu vực cô cao                        | 37 $m^2$                    |         |
| 3. Khu vực trộn bột                      | 37 $m^2$                    |         |
| 4. Khu vực làm viên                      | 80 $m^2$                    |         |
| 5. Khu vực bào chế thuốc nước            | 75 $m^2$                    |         |
| 6. Khu vực bào chế cồn thuốc, rượu thuốc | 37 $m^2$                    |         |
| 7. Khu vực đóng gói và dán nhãn          | 80 $m^2$                    |         |
| 8. Khu vực bảo quản thành phẩm           | 37 $m^2$                    |         |
| 9. Khu vực kiểm tra chất lượng           | 37 $m^2$                    |         |
| <b>Tổng diện tích</b>                    | <b>457 <math>m^2</math></b> |         |

6. Danh mục các thiết bị chế biến, bào chế thuốc cổ truyền

| STT  | Tên thiết bị               | Số lượng (cái) | Công suất | Nhà cung cấp | Mục đích sử dụng                  | Tình trạng hoạt động thiết bị |
|------|----------------------------|----------------|-----------|--------------|-----------------------------------|-------------------------------|
| I.   | Thiết bị bào chế, chế biến |                |           |              |                                   |                               |
|      | 1. Dao cầu                 | 04             |           |              | Thái dược liệu                    | Đang hoạt động bình thường    |
|      | 2. Chậu rửa                | 10             |           |              | Rửa dược liệu                     |                               |
|      | 3. Tủ sấy                  | 02             |           |              | Sấy dược liệu/chế phẩm            |                               |
|      | 4. Máy tán dược liệu       | 01             |           |              | Sản xuất viên hoàn mềm            |                               |
|      | 5. Máy rửa dược liệu       | 01             |           |              | Tán bột                           |                               |
|      | 6. Máy sao                 | 01             |           |              | Sao dược liệu                     |                               |
| II.  | Thiết bị xử lý không khí   |                |           |              | Quạt thông gió, điều hòa nhiệt độ | Đang hoạt động bình thường    |
| III. | Thiết bị xử lý nước        | 01             |           |              | Lọc nước RO                       | Đang hoạt động bình thường    |

## 7. Chế biến , bào chế thuốc cổ truyền

### 7.1. Hoạt động bào chế thuốc cổ truyền:

Số lô sản phẩm thực hiện bào chế theo từng năm, phân theo các nhóm sản phẩm:

| TT | Tên thuốc   | Công thức                                                                                                                   | Nguồn gốc xuất xứ bài thuốc | Dạng bào chế  | Tiêu chuẩn chất lượng | Lô SX, hạn dùng | Đơn vị đóng gói nhỏ nhất | Đường dùng | Số lượng | Ghi chú |
|----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|------------|----------|---------|
| 1  | Cao Khớp    | Ngưu tất<br>+ Dây đau xương<br>+ Nữ trinh(xấu hổ)<br>+ Ngũ gia bì<br>+ Thỏ phục linh<br>+ Tang ký sinh<br>+ Thiên niên kiện |                             | Cao Lỏng      | TCCS                  |                 | 100ml                    | Uống       | 300 chai |         |
| 2  | Hoàn Bồ Âm  | Thục địa +<br>Hoài sơn +<br>Mẫu đơn bì<br>+ Trạch tả<br>+ Sơn thù +<br>Bạch linh +<br>Mạch môn                              |                             | Viên hoàn mềm | TCCS                  |                 | 10 g                     | Uống       | 400 gói  |         |
| 3  | Hoàn Đại Bồ | Đẳng sâm +<br>Hoài sơn +                                                                                                    |                             | Viên hoàn     | TCCS                  |                 | 10 g                     | Uống       | 400 gói  |         |

|   |                   |                                                                                                               |  |                     |      |  |      |      |            |  |
|---|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------|------|--|------|------|------------|--|
|   |                   | Bạch biển<br>đầu<br>+ Đương<br>quy<br>+ Xuyên<br>khung<br>+ Thục địa +<br>Mạch môn<br>+ Hà thủ ô<br>+ Trần bì |  | mềm                 |      |  |      |      |            |  |
| 4 | Hoàn bổ<br>Tỳ     | Đảng sâm +<br>Hoài sơn<br>+ Bạch truật<br>+ Sơn tra<br>+ Thần khúc<br>+ Mạch nha<br>+ Trần bì                 |  | Viên<br>hoàn<br>mềm | TCCS |  | 10 g | Uống | 590<br>gói |  |
| 5 | Hoàn<br>viêm ruột | Khổ sâm +<br>cát căn +<br>trần bì + sơn<br>tra + mạch<br>nha + Mộc<br>huang + chè<br>khô                      |  | Viên<br>hoàn<br>mềm | TCCS |  | 10g  | Uống | 250<br>gói |  |
| 6 | Bột Dạ<br>Dày     | Bột ô tặc cốt<br>+ Bột cam<br>thảo                                                                            |  | Thuố<br>c bột       | TCCS |  | 10 g | Uống | 45<br>hộp  |  |

|    |                     |                                                                                             |  |                   |      |  |      |      |            |  |
|----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------|------|--|------|------|------------|--|
|    |                     | + Bột nabica                                                                                |  |                   |      |  |      |      |            |  |
| 7  | Bột ngâm<br>trĩ     | Thỏ phục<br>linh + Sà<br>sàng tử<br>+ Ngũ bội tử<br>+ Bình lang<br>+ Phèn phi +<br>Bạch chỉ |  | Thuốc<br>c bột    | TCCS |  | 45 g | Ngâm | 140<br>gói |  |
| 8  | Trà Giải<br>Độc Gan | Cà gai leo +<br>Diệp hạ châu<br>+ Nhân trần<br>+ Bò công<br>anh<br>+ Cam thảo               |  | Trà<br>túi<br>lọc | TCCS |  | 10g  | Uống | 100<br>hộp |  |
| 9  | Trà giảm<br>mỡ máu  | -Liên diệp +<br>Tỳ giải<br>+ Giảo cổ<br>lam<br>+ Thảo<br>quyết minh<br>+ Cam thảo           |  | Trà<br>túi<br>lọc | TCCS |  | 10g  | Uống | 100<br>hộp |  |
| 10 | Trà an<br>thần      | Liên tâm<br>+ Lạc tiên<br>+ Thảo                                                            |  | Trà<br>túi<br>lọc | TCCS |  | 10g  | Uống | 100<br>hộp |  |

|    |                   |                                                                                                         |  |                   |      |  |       |                           |            |
|----|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------|------|--|-------|---------------------------|------------|
|    |                   | quyết minh<br>+ Cúc hoa<br>+ Cam thảo                                                                   |  |                   |      |  |       |                           |            |
| 11 | Trà hạ áp         | Cúc hoa<br>+ Hòe hoa<br>+ Cỏ ngọt<br>+ Mã đề                                                            |  | Trà<br>túi<br>lọc | TCCS |  | 10g   | Uống                      | 100<br>hộp |
| 12 | Trà hạ<br>men gan | Chóc gai<br>+ Diệp hạ<br>châu<br>+ Kim ngân<br>hoa<br>+ Sài hồ<br>+ Nhân trần<br>+ Uất kim<br>+ Cỏ ngọt |  | Trà<br>túi<br>lọc | TCCS |  | 10g   | Uống                      | 100<br>hộp |
| 13 | Cồn xoa<br>bóp    | Mã tiền<br>+ Ô đầu<br>+ Địa liên<br>+ Quế chi<br>+ Đại hồi<br>+ Can<br>khương<br>Huyết giác             |  | Cồn<br>xoa<br>bóp | TCCS |  | 100ml | Xoa<br>bóp<br>ngoài<br>da |            |

|    |               |                                                             |  |              |      |  |     |                    |       |  |
|----|---------------|-------------------------------------------------------------|--|--------------|------|--|-----|--------------------|-------|--|
|    |               | + Thiên niên<br>kiện<br><br>+ Cồn 90*                       |  |              |      |  |     |                    |       |  |
| 14 | Diệp ngải     | Ngải nhung<br><br>+ Dịch chiết<br>(Thiên niên<br>kiện, Quế) |  | Điều<br>ngải | TCCS |  | 7cm | Cứu                |       |  |
| 15 | Mỡ Dịu<br>Đau | Adrenalin +<br>Novocain +<br>Vaselin<br><br>+ Lanolin       |  | Thuố<br>c mỡ | TCCS |  | 25g | Bôi<br>ngoài<br>da | 20 lọ |  |

#### 8. Phụ lục đính kèm

Để cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chi tiết, cập nhật về điều kiện hiện tại của cơ sở, chúng tôi xin gửi kèm theo báo cáo này Bản cập nhật Hồ sơ tổng thể của Bệnh viện.

#### III. Kết luận

Chúng tôi xin cam đoan toàn bộ nội dung báo cáo và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của chúng. Chúng tôi đồng ý và sẵn sàng để Bộ Y tế ( Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền/Sở Y tế Hải Phòng tiến hành đánh giá tại Bệnh viện về đáp ứng và duy trì theo tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền được quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy định tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền. 



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**BSCKII. Dương Văn Hà**

**SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG  
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Số: 455/BV-YHCT

Hải phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2023

**BẢN CÔNG BỐ  
ĐÁP ỨNG ĐỦ TIÊU CHUẨN BẢO CHẾ THUỐC CỔ TRUYỀN TẠI CƠ SỞ  
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

Kính gửi: Sở Y tế Hải Phòng

Tên cơ sở : Bệnh viện Y học cổ truyền

Địa chỉ : Thôn Cái Tắt, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Hải Phòng

Điện thoại: 02253700412 Fax:

Người chịu trách nhiệm chuyên môn : Dương Văn Hà Năm sinh: 1969

Số chứng chỉ hành nghề: 000615/HP - CCHN

Nơi cấp: Sở Y Tế Hải Phòng Ngày cấp: 27/08/2012

Giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh số: 17/2015/HP - GPHĐ

Cơ sở chúng tôi đã được thành lập theo Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 20 tháng 07 năm 2015 của UBND quy định về chức năng, nhiệm vụ của Bệnh viện Y học cổ truyền, trong đó bao gồm phạm vi hoạt động bảo chế, sản xuất thuốc đông y, thuốc từ dược liệu cụ thể:

- Thuốc cổ truyền dạng bào chế truyền thống ☒.

Thực hiện quy định tại Luật dược, Luật Khám bệnh, chữa bệnh và Thông tư số 32/2020/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn chế biến, bào chế vị thuốc cổ truyền, bào chế thuốc cổ truyền trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, sau khi tiến hành tự đánh giá đạt yêu cầu; cơ sở chúng tôi xin công bố đáp ứng tiêu chuẩn bào chế thuốc cổ truyền theo quy định.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các văn bản pháp luật, các quy chế chuyên môn có liên quan.



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**BSCKII. Dương Văn Hà**



**BỘ Y TẾ**

**BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TRUNG ƯƠNG**

TRUNG TÂM HỢP TÁC CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI VỀ YHCT  
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ CHỈ ĐẠO TUYỂN

(SỐ BC-02/.....B16)



**PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO LIÊN TỤC

Chúng nhận: Ông/bà **PHẠM THỊ THANH HIẾU**.....

Sinh ngày:.....**30 / 01 / 1973**.....

Đơn vị công tác:.....**Bệnh viện YHCT Hải Phòng**.....

Đã hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo liên tục:

**Kỹ thuật bào chế Đông dược theo  
phương pháp hiện đại - Khóa IV**.....

Tổng số:.....tiết học.....

Từ ngày **21/10/2013** Đến ngày **21/12/2013**.....

Hà Nội, ngày **21** tháng **12** năm **2013**



**PGS. TS. BSCKII. TRẦN QUỐC BÌNH**



UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
**SỞ Y TẾ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2015/GPHĐ-BV

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2015

**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ**

- Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ - CP ngày 27 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khám, bệnh, chữa bệnh;
- Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT - BYT ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
- Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Đoàn thẩm định Sở Y tế;
- Xét đề nghị của Phòng Quản lý hành nghề - Sở Y tế,

**CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

Tên Bệnh viện: **BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN**

Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: Bác sỹ Nguyễn Xuân Phùng

Số chứng chỉ hành nghề: 001605/ HP – CCHN. Ngày cấp: 22/02/2013

Nơi cấp: Sở Y tế thành phố Hải Phòng

Hình thức tổ chức: Bệnh viện chuyên khoa

Địa điểm: 148 Nguyễn Đức Cảnh, phường Cát Dài, quận Lê Chân,  
thành phố Hải Phòng

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn đã được  
Sở Y tế phê duyệt

Thời gian làm việc hàng ngày: 24/24 giờ.



**Phạm Thu Xanh**